TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Vệ Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Tú	Ủy viên
Ông Phạm Tiến Lâm	Ủy viên
Ông Hoàng Ngọc Quân	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Phan Trọng Tiến	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Phạm Thanh Tùng	Ủy viên (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/4/2025)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/4/2025)

Ban Tổng giám đốc

Ông Phạm Tiến Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Huy Hoàng	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Quân	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Bùi Xuân Đạt	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Tùng Linh	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Quang Chung	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Khanh	Giám đốc điều hành
Ông Phan Trọng Tiến	Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm từ ngày 01/8/2025)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,
TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

M.S.D.N: 0100101403 - C.T.C.P TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Tiến Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người ký: TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN
Thời gian ký: 30.03.2026 16:38:38 +07:00

Số : 2803.07-26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), *được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 40*, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến người đọc đến thuyết minh số V.20, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025 theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT ngày 26/02/2026 về việc tạm phân phối lợi nhuận năm 2025. Số liệu chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

M.S.D.N: 0101202228 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Ngô Bá Duy	**Phạm Thị Thu Hà**
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán	Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1	*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5382-2025-034-1*

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**709.964.550.439**	**794.042.884.511**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**282.379.183.462**	**198.259.182.140**
1. Tiền	111	V.1.	282.379.183.462	198.259.182.140
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2.**	**50.000.000.000**	**20.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**239.904.372.305**	**447.533.342.870**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	239.402.366.526	258.694.622.136
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	7.437.030.813	27.878.359.314
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	22.550.000.000	17.750.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	2.525.141.606	155.015.116.830
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(32.010.166.640)	(11.804.755.410)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.8.**	**69.688.045.100**	**120.170.589.391**
1. Hàng tồn kho	141		71.271.987.709	120.170.589.391
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.583.942.609)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**67.992.949.572**	**8.079.770.110**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	50.299.997	26.587.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		67.443.702.110	7.948.559.223
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.	498.947.465	104.623.387
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**162.966.342.702**	**172.083.679.623**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**37.139.071.363**	**43.756.045.759**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	35.919.418.982	43.756.045.731
- Nguyên giá	*222*		*178.371.661.980*	*175.318.224.601*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(142.452.242.998)*	*(131.562.178.870)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	1.219.652.381	28
- Nguyên giá	228		*5.531.506.491*	*3.972.983.491*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		*(4.311.854.110)*	*(3.972.983.463)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**81.711.574**	**3.766.633.283**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11.	81.711.574	3.766.633.283
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.2.**	**120.959.635.918**	**120.914.645.047**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		67.432.791.453	67.455.795.315
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		55.280.000.000	55.280.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.753.155.535)	(1.821.150.268)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.785.923.847**	**3.646.355.534**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	4.785.923.847	3.646.355.534
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		**872.930.893.141**	**966.126.564.134**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**607.934.659.585**	**712.702.670.268**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**604.624.467.208**	**709.169.365.173**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	381.397.946.777	407.786.361.313
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	69.464.718.576	94.099.121.902
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	4.582.997.825	3.012.967.678
4. Phải trả người lao động	314		51.910.369.385	36.894.059.159
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	311.120.889	133.510.406
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	2.128.053.055	3.007.913.931
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20.	87.706.354.461	151.537.953.218
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18.	-	9.024.537.296
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.122.906.240	3.672.940.270
II. Nợ dài hạn	**330**		**3.310.192.377**	**3.533.305.095**
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	11.797.221	11.797.221
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19.	3.298.395.156	3.521.507.874
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**264.996.233.556**	**253.423.893.866**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.21.**	**264.996.233.556**	**253.423.893.866**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.996.220.000	89.996.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*89.996.220.000*	*89.996.220.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(159.000.000)	(159.000.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.158.493.310	3.158.493.310
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.808.165.672	29.808.165.672
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		142.192.354.574	130.620.014.884
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*116.800.508.793*	*108.668.293.208*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*25.391.845.781*	*21.951.721.676*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**872.930.893.141**	**966.126.564.134**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Minh Lý	Đinh Đức Hải	Phạm Tiến Lâm

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1.**	**1.660.788.747.801**	**1.534.124.294.505**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	88.382.573	130.210.705
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**VI.3.**	**1.660.700.365.228**	**1.533.994.083.800**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	1.428.240.482.509	1.324.426.651.220
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**232.459.882.719**	**209.567.432.580**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5.	40.032.960.336	43.488.070.418
7. Chi phí tài chính	22	VI.6.	32.587.502.663	48.869.658.757
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*7.155.413.672*	*7.491.313.831*
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		6.564.018.334	6.132.407.127
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	54.967.758.231	57.084.863.020
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	154.603.170.969	123.156.935.327
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	**30**		**36.898.429.526**	**30.076.453.021**
12. Thu nhập khác	31	VI.8.	1.685.494.580	956.556.823
13. Chi phí khác	32	VI.9.	740.784.772	394.852.406
14. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	**40**		**944.709.808**	**561.704.417**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**37.843.139.334**	**30.638.157.438**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11.	6.259.110.301	4.195.579.001
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.12.	(223.112.718)	(39.102.207)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**31.807.141.751**	**26.481.680.644**
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			31.807.141.751	26.481.680.644
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13.	2.821	2.439

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Minh Lý	Đinh Đức Hải	Phạm Tiến Lâm

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***31.807.141.751***	***30.638.157.438***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.092.626.764	12.249.094.192
- Các khoản dự phòng	03		12.696.821.810	(4.805.435.268)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(92.484.281)	4.167.844.677
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.185.033.735)	(6.771.688.160)
- Chi phí lãi vay	06		7.155.413.672	7.491.313.831
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***52.474.485.981***	***42.969.286.710***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		133.720.794.862	(46.158.525.092)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		48.898.601.682	(95.444.700.423)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(32.101.642.239)	30.720.410.455
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.163.280.810)	(51.539.999)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.189.896.010)	(7.713.068.273)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.642.451.449)	(4.490.187.538)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.376.530.000)	(4.943.890.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***188.620.082.017***	***(85.112.214.160)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.592.280.659)	(14.358.443.653)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		386.582.000	62.846.154
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(97.830.000.000)	(86.528.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		63.030.000.000	113.968.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.434.753.105	6.635.305.143
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(26.570.945.554)***	***19.779.707.644***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		464.002.741.925	522.437.549.118
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(527.357.205.716)	(514.162.459.358)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.499.433.000)	(13.499.433.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(76.853.896.791)***	***(5.224.343.240)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		**85.195.239.672**	**(70.556.849.756)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		**198.259.182.140**	**266.782.119.568**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.075.238.350)	2.033.912.328
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	**282.379.183.462**	**198.259.182.140**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Minh Lý	Đinh Đức Hải	Phạm Tiến Lâm

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt May Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 221/CNN/TCLĐ ngày 24/3/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ và chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2006 theo Quyết định số 2882/QĐ-BCN ngày 13/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005. Tổng Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21/7/2025 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty tăng lên thành **89.996.220.000 VND** *(Tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).*

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là MGG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu, gia công các sản phẩm dệt may và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện ngành dệt may;
- Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Tái chế phế liệu;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, hải sản, thực phẩm công nghệ;
- Kinh doanh các sản phẩm dân dụng, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, điện lạnh, cao su;
- Nhập khẩu sắt thép, gỗ, máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh, kinh doanh kim loại màu (kẽm, đồng, nhôm, chì) làm nguyên liệu cho sản xuất;
- Kinh doanh vận tải đường bộ và đường thủy, dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà làm văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị và nhà ở;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lưu trú du lịch, kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke vũ trường, quán bar).

Trụ sở Công ty tại: Số 59, phố Đức Giang, Phường Việt Hưng, TP Hà Nội, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc tập đoàn

Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 như sau:

1. Công ty TNHH May Đức Giang	Địa chỉ: Số 59 phố Đức Giang, Phường Việt Hưng, TP Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính: May mặc Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 như sau:

1. Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	Địa chỉ: Số 355 Bà Triệu, Phường Hàm Rồng, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam Hoạt động chính: May mặc Tỷ lệ phần sở hữu: 23% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 23%
2. Công ty Cổ phần Thời trang phát triển cao	Địa chỉ: Thôn Vân Lôi, Xã Hạ Bằng, TP Hà Nội, Việt Nam Hoạt động chính: May mặc Tỷ lệ phần sở hữu: 22,4% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 22,4%
3. Công ty Cổ phần Bình Mỹ	Địa chỉ: Cụm CN Bình Lục, Xã Bình An, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam Hoạt động chính: Kinh doanh bất động sản Tỷ lệ phần sở hữu: 21% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 21%
4. Công ty TNHH May Hưng Nhân	Địa chỉ: Lô L2, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam Hoạt động chính: May mặc Tỷ lệ phần sở hữu: 29,14% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 29,14%
5. Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	Địa chỉ: Thôn Khoái Khê, Xã Nhân Thắng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam Hoạt động chính: May mặc Tỷ lệ phần sở hữu: 35% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 35%
6. Công ty Cổ phần Lạc Thủy	Địa chỉ: Thôn Sông Bôi, Xã An Nghĩa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam Hoạt động chính: May mặc Tỷ lệ phần sở hữu: 30% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30%
7. Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang	Địa chỉ: Số 59, phố Đức Giang, Phường Việt Hưng, TP Hà Nội, Việt Nam Hoạt động chính: Giặt là Tỷ lệ phần sở hữu: 20% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025: 1.058 người (Tại ngày 31/12/2024: 1.305 người)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Tổng Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Tổng Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Tổng Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của các Công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho Công ty liên kết.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty giao dịch tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Chương Dương nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Chương Dương nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Chương Dương nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:
- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao (năm)*
- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 15
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
- Tài sản cố định khác	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý thiết bị và chất lượng, lợi thế kinh doanh.

Phần mềm kế toán, Phần mềm quản lý thiết bị và chất lượng

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 03 đến 08 năm.

Lợi thế kinh doanh

Đến thời điểm 31/12/2025, lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty đã trích hết khấu hao từ các kỳ kế toán trước.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa, thuê dịch vụ, chi phí thi công nội thất showroom và các chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tối đa không quá 3 năm.

Chi phí thuê văn phòng, thuê xe: Chi phí thuê văn phòng, thuê xe là các chi trả cho nhiều tháng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê của hợp đồng.

Chi phí sửa chữa nhà cửa, vật kiến trúc: là các chi phí trả trước cho nhiều tháng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn trên 24 tháng.

Chi phí khác: là các chi phí trả trước cho nhiều tháng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và công ty liên kết.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Tổng Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả, trích trước chi phí thuê gia công và các khoản trích trước khác là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Chi phí lãi vay là chi phí được trích trước dựa trên cơ sở hợp đồng và lãi suất thực tế.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa may mặc, vải tiết kiệm, doanh thu gia công,... Doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận nhận được chia.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, số dư các khoản cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

17. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là các sản phẩm may mặc và hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và xuất khẩu nên Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	444.768.734	379.443.960
Tiền gửi ngân hàng	281.934.414.728	197.879.738.180
Cộng	**282.379.183.462**	**198.259.182.140**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội (i)	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu - CN Thủ Đô - PGD Long Biên (ii)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Tổng cộng	**50.000.000.000**	**50.000.000.000**	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**

(i) Hợp đồng tiền gửi số 230824/HDTG/01/20B01/5M/VPB - DG ngày 23/8/2024 với số tiền 20 tỷ đồng, kỳ hạn 152 ngày từ ngày 23/8/2024, lãi suất 4,75%/năm. Khoản tiền gửi đã tất toán trong năm.

(ii) Hợp đồng tiền gửi số 0023/2025/LBN/HĐTG ngày 11/6/2025 với số tiền 50 tỷ đồng, kỳ hạn gửi 243 ngày từ ngày 11/06/2025 đến 09/02/2026, lãi suất 6,1%/năm.

b) Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2025 VND			01/01/2025 VND		
	Giá gốc	Các điều chỉnh lũy kế	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Các điều chỉnh lũy kế	Giá trị ghi sổ
b1) Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh (1)	2.758.812.000	(1.633.573.606)	1.125.238.394	2.758.812.000	(1.812.660.119)	946.151.881
Công ty CP Thời trang phát triển cao (2)	11.200.000.000	(2.777.338.606)	8.422.661.394	11.200.000.000	(3.230.511.551)	7.969.488.449
Công ty Cổ phần Bình Mỹ (3)	8.576.450.000	1.429.396.827	10.005.846.827	8.576.450.000	982.543.905	9.558.993.905
Công ty TNHH May Hưng Nhân (4)	13.260.000.000	7.350.788.901	20.610.788.901	13.260.000.000	7.715.067.177	20.975.067.177
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành (5)	7.078.211.009	12.656.743.687	19.734.954.696	7.078.211.009	14.172.009.435	21.250.220.444
Công ty Cổ phần Lạc Thủy (6)	12.000.000.000	(10.583.689.529)	1.416.310.471	12.000.000.000	(11.066.993.661)	933.006.339
Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang (7)	2.000.000.000	4.116.990.770	6.116.990.770	2.000.000.000	3.822.867.120	5.822.867.120
Cộng	**56.873.473.009**	**10.559.318.444**	**67.432.791.453**	**56.873.473.009**	**10.582.322.306**	**67.455.795.315**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

	31/12/2025 VND			01/01/2025 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
b2) Đầu tư vào đơn vị khác						
Tổng Công ty CP Bảo hiểm hàng không	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.500.000.000
Công ty Cổ phần May Đức Hạnh (*)	9.000.000.000	-		9.000.000.000	-	
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang (*)	11.700.000.000	-		11.700.000.000	-	
Công ty CP Đô Lương (*)	25.080.000.000	(1.753.155.535)		25.080.000.000	(1.821.150.268)	
Công ty CP Thời trang và Đầu tư Đức Giang (*)	4.500.000.000	-		4.500.000.000	-	
Cộng	**55.280.000.000**	**(1.753.155.535)**		**55.280.000.000**	**(1.821.150.268)**	

	31/12/2025			01/01/2025		
	Số lượng cổ phiếu	Giá giao dịch	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phiếu	Giá giao dịch	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác						
Tổng Công ty CP Bảo hiểm hàng không (i)	500.000	10.000	5.000.000.000	500.000	11.000	5.500.000.000
Tổng cộng	**500.000**	**10.000**	**5.000.000.000**	**500.000**	**11.000**	**5.500.000.000**

(i) Khoản đầu tư vào Tổng Công ty CP Bảo hiểm hàng không có mã chứng khoán là: AIC, giao dịch trên thị trường Upcom, giá chốt phiên ngày 31/12/2025 là 10.000 đồng/cổ phiếu.

c) Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm

1) Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh

Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800486946 thay đổi lần thứ hai (02) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/05/2021. Công ty có trụ sở tại Số 355 Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh: mua hàng, bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2) Công ty Cổ phần Thời trang phát triển cao

Công ty CP Thời trang Phát triển cao được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500562543 thay đổi lần thứ sáu (06) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2024. Công ty có trụ sở tại thôn Vân Lôi, xã Hạ Bằng, Hà Nội, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Thời trang Phát triển cao: mua hàng, bán hàng, thu hồi cho vay.

3) Công ty Cổ phần Bình Mỹ

Công ty CP Bình Mỹ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0700258195 thay đổi lần thứ bốn (04) do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình) cấp ngày 11/03/2019. Công ty có trụ sở tại Cụm Công nnghiệp Bình Lục, xã Bình An, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Bình Mỹ: nhận cổ tức.

4) Công ty TNHH May Hưng Nhân

Công ty TNHH May Hưng Nhân được thành lập và hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 1000230421 thay đổi lần thứ mười (10) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) cấp ngày 08/11/2017. Công ty có trụ sở tại Lô L2, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH May Hưng Nhân: mua hàng, bán hàng.

5) Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành

Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 2300523477 thay đổi lần thứ sáu (06) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 14/05/2020. Công ty có trụ sở tại thôn Khoái Khê, xã Nhân Thắng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành: mua hàng, bán hàng, nhận cổ tức.

6) Công ty Cổ phần Lạc Thủy

Công ty CP Lạc Thủy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400433945 thay đổi lần thứ năm (05) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình (nay là tỉnh Phú Thọ) cấp ngày 24/01/2024. Công ty có trụ sở tại thôn Sông Bôi, xã An Nghĩa, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Lạc Thủy: mua hàng, bán hàng, cho vay.

7) Công ty Cổ phần Giặt là và Đầu tư Đức Giang

Công ty CP Giặt và Đầu tư Đức Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107475359 thay đổi lần thứ ba (03) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/06/2020. Công ty có trụ sở tại Số 59 phố Đức Giang, phường Đức Giang, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực giặt là.

Giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty và Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang: mua hàng, bán hàng.

(*) Tại thời điểm 31/12/2025, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 do không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	30.140.718.825	-	14.871.914.264	-
AO "ODEZHDA 3000	6.100.439.820	(2.673.391.197)	6.412.225.809	
Công ty CP Thời Trang và Đầu tư Đức Giang	15.543.441.683	-	35.470.774.666	-
Tổng Cục Thuế (nay là Cục thuế)	10.732.038.300	-	36.252.979.920	-
LLC "MK-Rent	23.123.284.287	(15.675.936.698)	22.390.844.481	-
MODES MOOSE INC	19.553.631.920	-	3.770.992.925	-
Asmara International LTD	-	-	2.719.047.628	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	27.353.000.817	-	27.692.517.307	-
NewFashion LLC	11.104.324.318	-	14.962.477.272	
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	11.710.142.568	(8.521.152.979)	13.504.606.532	
Các đối tượng khác	84.041.343.988	(5.139.685.766)	80.646.241.332	(11.804.755.410)
Cộng	**239.402.366.526**	**(32.010.166.640)**	**258.694.622.136**	**(11.804.755.410)**

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Lạc Thủy	4.143.321.417	-	17.119.598.386	
Công ty TNHH Thiết bị bảo vệ và Phát triển công nghệ cao Khải Hoàn	-	-	2.022.783.440	
Shekhani Industries	1.195.142.535	-	1.531.610.010	-
Các đối tượng khác	2.098.566.861	-	7.204.367.478	-
Cộng	**7.437.030.813**	**-**	**27.878.359.314**	**-**

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Lạc Thủy (1)	22.550.000.000	-	14.550.000.000	-
Công ty CP Thời Trang Phát Triển Cao (2)	-	-	3.200.000.000	-
Cộng	**22.550.000.000**	**-**	**17.750.000.000**	**-**

(1) Cho Công ty Lạc Thủy vay theo các hợp đồng cho vay, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, lãi suất cho vay từ 5,5%/năm đến 6,2%/măm. Các khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(2) Cho Công ty CP Thời trang phát triển cao vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐTD/MĐG-HDF/2024 ngày 24/12/2024, tổng giá trị cho vay là 3,2 tỷ đồng, lãi suất cho vay 5,7%/năm, thời gian cho vay tối đa 6 tháng. Khoản cho vay đã được tất toán trong năm.

b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

6. Phải thu khác

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Phải thu khác	2.525.141.606	-	154.997.410.977	-
Thuế GTGT chờ kê khai	*82.930.514*	-	*88.049.519*	-
Thuế GTGT đề nghị hoàn	-	-	*153.836.420.714*	-
Phải thu thuế thu nhập của CBCNV	*539.254.965*	-	-	-
Lãi dự thu	*1.704.657.534*	-	*340.958.904*	-
Các đối tượng khác	*198.298.593*	-	*731.981.840*	-
Dư nợ 3388	-	-	17.705.853	-
Cộng	**2.525.141.606**	**-**	**155.015.116.830**	**-**

7. Nợ xấu

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng	*46.105.763.740*	*14.095.597.100*	*18.353.135.859*	*6.548.380.449*
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển FLC Hạ Long	1.769.690.255	32.211.299	1.769.690.255	382.597.776
Công ty TNHH FLC Sầm Sơn Golf & Resort	1.700.000.000	-	2.000.000.000	-

Công ty Cổ phần FLC Quy Nhơn Golf & Resort	799.075.840	-	799.075.840	239.722.752
Công ty Cổ phần FLC Travel	903.130.970	-	903.130.970	121.884.264
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	11.710.142.568	3.188.989.589	12.881.238.794	5.804.175.657
LLC "MK-Rent"	23.123.284.287	7.447.347.589	-	-
AO "ODEZHDA 3000"	6.100.439.820	3.427.048.623	-	-
Cộng	**46.105.763.740**	**14.095.597.100**	**18.353.135.859**	**6.548.380.449**

8. Hàng tồn kho

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	29.941.099.293	-	47.522.236.105	-
Công cụ, dụng cụ	104.977.419	-	165.975.845	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.525.275.457	-	39.873.657.270	-
Thành phẩm	21.116.692.931	-	27.709.526.782	-
Hàng hóa	1.583.942.609	(1.583.942.609)	4.899.193.389	-
Cộng	**71.271.987.709**	**(1.583.942.609)**	**120.170.589.391**	**-**

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm kế toán, quản lý nhân sự	Tài sản cố định khác	Lợi thế kinh doanh	Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2025	**2.474.581.875**	**122.277.000**	**1.376.124.616**	**3.972.983.491**
Mua trong năm	1.615.800.000	-	-	1.615.800.000
Giảm khác	(57.277.000)	-	-	**(57.277.000)**
Số dư ngày 31/12/2025	**4.033.104.875**	**122.277.000**	**1.376.124.616**	**5.531.506.491**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư ngày 01/01/2025	**2.474.581.875**	**122.276.972**	**1.376.124.616**	**3.972.983.463**
Khấu hao trong năm	396.147.619	28	-	**396.147.647**
Giảm khác	(57.277.000)	-	-	**(57.277.000)**
Số dư ngày 31/12/2025	**2.813.452.494**	**122.277.000**	**1.376.124.616**	**4.311.854.110**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2025	-	**28**	-	**28**
Tại ngày 31/12/2025	**1.219.652.381**	-	-	**1.219.652.381**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.915.706.491 VND (Tại ngày 31/12/2024 là: 3.907.983.491 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2025	**70.879.847.724**	**60.181.131.520**	**16.848.356.287**	**2.467.860.743**	**24.941.028.327**	**175.318.224.601**
Mua trong năm	-	327.430.000	1.152.349.629	33.727.000	753.424.956	**2.266.931.585**
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	2.592.920.783	**2.592.920.783**
Thanh lý, nhượng bán	-	(158.256.470)	(1.561.841.246)	(86.317.273)	-	**(1.806.414.989)**
Số dư ngày 31/12/2025	**70.879.847.724**	**60.350.305.050**	**16.438.864.670**	**2.415.270.470**	**28.287.374.066**	**178.371.661.980**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư ngày 01/01/2025	**43.907.786.229**	**50.801.605.647**	**16.452.232.014**	**2.158.635.201**	**18.241.919.779**	**131.562.178.870**
Khấu hao trong năm	5.140.697.316	3.657.434.710	372.994.018	88.335.584	3.437.017.489	**12.696.479.117**
Thanh lý, nhượng bán	-	(158.256.470)	(1.561.841.246)	(86.317.273)	-	**(1.806.414.989)**
Số dư ngày 31/12/2025	**49.048.483.545**	**54.300.783.887**	**15.263.384.786**	**2.160.653.512**	**21.678.937.268**	**142.452.242.998**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	**26.972.061.495**	**9.379.525.873**	**396.124.273**	**309.225.542**	**6.699.108.548**	**43.756.045.731**
Tại ngày 31/12/2025	**21.831.364.179**	**6.049.521.163**	**1.175.479.884**	**254.616.958**	**6.608.436.798**	**35.919.418.982**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 93.937.750.802 VND (Tại ngày 31/12/2024 là 91.282.905.139 VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Mua sắm TSCĐ	-	***552.000.000***
Phần mềm quản lý thiết bị số	-	552.000.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	***2.500.630.556***
Thi công cải tạo nhà kho số 2 - Tổng công ty Đức Giang	-	2.500.630.556
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	***81.711.574***	***714.002.727***
Thi công lắp đặt hệ thống PCCC tự động Sprinkler và khu vực ngoài nhà	81.711.574	-
Cung cấp, lắp đặt hệ thống hút khói tầng 3 - nhà kho 3 tầng	-	714.002.727
Cộng	**81.711.574**	**3.766.633.283**

12. Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	***50.299.997***	***26.587.500***
Chi phí thuê dịch vụ chờ phân bổ	50.299.997	26.587.500
b) Dài hạn	***4.785.923.847***	***3.646.355.534***
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	969.065.885	1.990.391.440
Chi phí sửa chữa nhà cửa, vật kiến trúc chờ phân bổ	3.465.366.597	1.379.295.929
Chi phí thuê dịch vụ chờ phân bổ	307.051.397	62.947.500
Chi phí trả trước dài hạn khác	44.439.968	213.720.665
Cộng	**4.836.223.844**	**3.672.943.034**

13. Phải trả người bán

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Shin Hwa Tex Co.,Ltd	129.876.068.859	129.876.068.859	127.440.709.669	127.440.709.669
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	24.342.506.317	24.342.506.317	29.812.330.578	29.812.330.578
Gerry Webber International AG	17.558.407.132	17.558.407.132	17.008.562.787	17.008.562.787
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đức Giang	32.495.421.292	32.495.421.292	51.095.050.399	51.095.050.399
Textyle Asia Pte Ltd	68.419.926.750	68.419.926.750	66.592.549.515	66.592.549.515
Các đối tượng khác	108.705.616.427	108.705.616.427	115.837.158.365	115.837.158.365
Cộng	**381.397.946.777**	**381.397.946.777**	**407.786.361.313**	**407.786.361.313**

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Alfwear Inc., DBA Kuhl	10.669.484.688	28.604.674.722
Textyle Asia Pte Ltd	8.822.945.482	20.490.620.656
The Levy Group Inc	37.869.826.851	36.319.365.732
Các đối tượng khác	12.102.461.555	8.684.460.792
Cộng	**69.464.718.576**	**94.099.121.902**

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
a) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.342.872.833	10.389.156.838	10.422.531.522	1.309.498.149
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.619.719.779	6.259.110.301	4.642.451.449	3.236.378.631
Thuế thu nhập cá nhân	50.375.066	427.885.688	441.139.709	37.121.045
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.743.272.558	1.743.272.558	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	**3.012.967.678**	**18.824.425.385**	**17.254.395.238**	**4.582.997.825**
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	15.284.247	54.890.035	54.890.035	15.284.247
Thuế thu nhập cá nhân	89.339.140	4.144.540.554	4.378.058.201	322.856.787
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	296.014.682	456.821.113	160.806.431
Cộng	**104.623.387**	**4.495.445.271**	**4.889.769.349**	**498.947.465**

16. Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Chi phí gia công thuê ngoài phải trả	187.367.156	53.526.688
Chi phí lãi vay trích trước	45.501.380	79.983.718
Các chi phí trích trước khác	78.252.353	-
Cộng	**311.120.889**	**133.510.406**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	***2.128.053.055***	***3.007.913.931***
Kinh phí công đoàn	67.634.125	96.197.290
Các khoản bảo hiểm	-	68.430.415
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	1.166.818.584	1.350.674.184
Các khoản phải trả, phải nộp khác	424.249.570	396.791.298
Dư Có tài khoản 1388	469.350.776	1.095.820.744
b) Dài hạn	***11.797.221***	***11.797.221***
Nhận ký quỹ, ký cược	11.797.221	11.797.221
Cộng	**2.139.850.276**	**3.019.711.152**

18. Dự phòng phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Dự phòng tiền lương	-	9.024.537.296
Cộng	**-**	**9.024.537.296**

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.298.395.156	3.521.507.874
Cộng	**3.298.395.156**	**3.521.507.874**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025 VND		Trong năm VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương (1)	2.068.089.213	2.068.089.213	57.678.714.708	86.037.674.853	30.427.049.358	30.427.049.358
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (2)	-	-	-	5.135.424.714	5.135.424.714	5.135.424.714
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (3)	85.638.265.248	85.638.265.248	414.695.616.338	445.032.830.236	115.975.479.146	115.975.479.146
Cộng	**87.706.354.461**	**87.706.354.461**	**472.374.331.046**	**536.205.929.803**	**151.537.953.218**	**151.537.953.218**

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025-HĐCVHM/NHCT128-TCTDG ngày 17/10/2025 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hạn mức vay không vượt quá 170.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 17/10/2026. Thời hạn của từng khoản vay tối đa không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(2) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT127-TDG ngày 03/10/2024 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hạn mức vay không vượt quá 100 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 03/10/2025. Thời hạn của từng khoản vay tối đa không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay đã tất toán trong năm.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 96/25/CTD/VCBCD-DUCGIANG ngày 08/10/2025 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo giới hạn cấp tín dụng là 400.000.000.000 đồng, giới hạn cấp tín dụng này bao gồm cả số dư theo Hợp đồng cấp tín dụng số 123/24/CTD/VCBCD-DUCGIANG ngày 21/10/2024. Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng đến hết ngày 07/10/2026. Lãi suất vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	**89.996.220.000**	**(159.000.000)**	**3.158.493.310**	**29.808.165.672**	**109.805.905.551**	**232.609.784.533**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	26.481.680.644	**26.481.680.644**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.529.958.968)	**(4.529.958.968)**
Giảm khác	-	-	-	-	(1.137.612.343)	**(1.137.612.343)**
Số dư tại ngày 31/12/2024	**89.996.220.000**	**(159.000.000)**	**3.158.493.310**	**29.808.165.672**	**130.620.014.884**	**253.423.893.866**
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	31.807.141.751	**31.807.141.751**
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(13.499.433.000)	**(13.499.433.000)**
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(6.415.295.970)	**(6.415.295.970)**
Giảm khác	-	-	-	-	(320.073.091)	**(320.073.091)**
Số dư tại ngày 31/12/2025	**89.996.220.000**	**(159.000.000)**	**3.158.493.310**	**29.808.165.672**	**142.192.354.574**	**264.996.233.556**

(i) Tổng Công ty thực hiện chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 65/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2025.

(ii) Tổng Công ty thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 59/NQ-HĐQT ngày 26/02/2026 và Công ty TNHH may Đức Giang phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo theo quyết định số 01/QĐ-HĐTV của Hội đồng thành viên ngày 05/3/2026.

21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	31.692.220.000	31.692.220.000
Vốn góp của cổ đông khác	58.304.000.000	58.304.000.000
Cộng	**89.996.220.000**	**89.996.220.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	89.996.220.000	89.996.220.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	89.996.220.000	89.996.220.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**13.499.433.000**	-

21.4 Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.999.622	8.999.622
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.999.622	8.999.622
- Cổ phiếu phổ thông	*8.999.622*	*8.999.622*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.999.622	8.999.622
- Cổ phiếu phổ thông	*8.999.622*	*8.999.622*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

a) Tài sản nhận giữ hộ:

Chủng loại, quy cách	Đơn vị tính	31/12/2025 Số lượng	01/01/2025 Số lượng
Vải, da, bông, lông,..	M	277.047,80	659.342,80
Lông vũ	YDS	6,00	19,00
Chỉ may	Cuộn	10.280,60	1.352,00
Hạt chống ẩm	KG	1.463,30	500,00
Mắc áo, cúc, nhãn,..	Chiếc	1.298.395,60	2.460.914,51
Cúc dập, ô zê	Bộ	57.883,00	-

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
Dollar Mỹ (USD)	9.156.328,94	5.787.069,55

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm dịch vụ	1.660.788.747.801	1.534.124.294.505
Cộng	**1.660.788.747.801**	**1.534.124.294.505**

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chiết khấu thương mại	88.382.573	130.210.705
Cộng	**88.382.573**	**130.210.705**

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa và dịch vụ	1.660.700.365.228	1.533.994.083.800
Cộng	**1.660.700.365.228**	**1.533.994.083.800**

4. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	1.426.656.539.900	1.324.426.651.220
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.583.942.609	-
Cộng	**1.428.240.482.509**	**1.324.426.651.220**

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.207.366.735	3.118.414.733
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	28.142.024.320	36.770.964.715
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	92.484.281	7.690.970
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.591.085.000	3.591.000.000
Cộng	**40.032.960.336**	**43.488.070.418**

b) Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	7.155.413.672	7.491.313.831
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	25.500.083.724	36.808.150.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	4.175.535.647
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(67.994.733)	394.659.225
Cộng	**32.587.502.663**	**48.869.658.757**

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	***54.967.758.231***	***57.084.863.020***
Chi phí nhân viên	19.576.253.338	18.130.790.391
Chi phí vật liệu, bao bì	5.162.568.134	4.309.543.870
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	310.534.357	1.081.543.287
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.854.360.011	5.030.814.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.937.504	11.937.504
Chi phí bằng tiền khác	25.055.104.887	28.520.233.329
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	***154.774.161.167***	***124.058.179.347***
Chi phí nhân viên quản lý	105.998.921.531	79.411.162.039
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.062.101.602	1.743.145.475
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.955.815.245	4.127.501.615
Thuế, phí và lệ phí	1.206.764.479	2.872.243.754
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	20.376.401.428	6.797.105.979
Trích lập dự phòng tiền lương	-	9.024.537.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.328.242.426	1.329.227.398
Chi phí bằng tiền khác	19.845.914.456	18.753.255.791
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	***(170.990.198)***	***(901.244.020)***
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(170.990.198)	(901.244.020)
Cộng	**209.570.929.200**	**180.241.798.347**

8. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản thu nhập khác phát sinh trong năm		
Thu phạt hợp đồng	1.088.424.459	582.830.611
Thu từ thanh lý tài sản cố định	386.582.000	62.273.427
Thu nhập khác	210.488.121	311.452.785
Cộng	**1.685.494.580**	**956.556.823**

b) Thu nhập khác đối với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí phạt hợp đồng	702.943.810	393.476.226
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	34.828.909	1.372.484
Chi phí khác	3.012.053	3.696
Cộng	**740.784.772**	**394.852.406**

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	661.478.557.675	562.340.860.771
Chi phí nhân công	199.347.624.246	190.442.143.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.092.626.764	12.249.094.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	788.368.207.287	611.447.465.079
Chi phí khác bằng tiền	53.776.250.569	36.266.885.648
Cộng	**1.716.063.266.541**	**1.412.746.448.707**

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.701.262.181	4.134.371.649
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	557.848.120	61.207.352
Cộng	**6.259.110.301**	**4.195.579.001**

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(223.112.718)	(39.102.207)

13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.807.141.751	26.481.680.644
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(6.415.295.970)	(4.529.958.968)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	*(6.415.295.970)*	*(4.529.958.968)*
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	*(6.415.295.970)*	*(4.529.958.968)*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.391.845.781	21.951.721.676
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.999.622	8.999.622
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.821	2.439

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

(*) Tổng Công ty thực hiện việc tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 59/NQ-HĐQT ngày 26/02/2026 và Công ty TNHH may Đức Giang trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo quyết định số 01/QĐ-HĐTV của Hội đồng thành viên ngày 05/3/2026.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay cuối năm	7.454.358	2.456.329.292
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay cuối năm	484.589.324	-
Mua tài sản cố định bằng bù trừ công nợ phải thu	198.450.000	2.618.516.400

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
2. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	464.002.741.925	522.437.549.118
3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	527.357.205.716	514.162.459.358

VIII. Những thông tin khác

1. Các cam kết

Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Tổng Công ty có cơ sở kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	Công ty liên kết
Công ty TNHH May Hưng Nhân	Công ty liên kết
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	Công ty liên kết
Công ty CP Thời trang phát triển cao	Công ty liên kết
Công ty CP Lạc Thủy	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bình Mỹ	Công ty liên kết
Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang	Công ty liên kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Công ty CP Chứng khoán phố Wall	Cổ đông góp vốn
Ông Hoàng Vệ Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đình Tú	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Tiến Lâm	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Quân	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025) kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Trọng Tiến	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025) kiêm Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm từ ngày 01/8/2025)
Ông Phạm Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/4/2025) kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/4/2025) kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Huy Hoàng	Phó Tổng giám đốc
Ông Bùi Xuân Đạt	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Tùng Linh	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Quang Chung	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Vân Oanh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Phạm Đức Long	Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên Ban kiểm soát (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/4/2025)
Bà Đặng Thị Ngọc Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Lý	Thành viên ban kiểm toán nội bộ
Bà Trịnh Thanh Huyền	Thành viên ban kiểm toán nội bộ
Bà Lê Lan Hương	Thành viên ban kiểm toán nội bộ
Ông Nguyễn Ngọc Khanh	Giám đốc điều hành

a) Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng		
Công ty TNHH May Hưng Nhân	95.544.105.697	100.184.349.947
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	41.755.061.311	23.565.208.805
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	22.613.167.260	20.784.695.947
Công ty CP Thời trang phát triển cao	68.799.208.074	69.349.035.891
Công ty CP Lạc Thủy	72.752.249.259	47.062.290.398
Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang	1.225.942.803	894.591.368
Tập Đoàn Dệt may Việt Nam	173.968.254	141.800.000
Bán hàng		
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	76.862.500	55.462.500
Công ty CP Lạc Thủy	850.638.000	445.358.100
Công ty CP Thời trang phát triển cao	148.315.044	211.383.576

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty TNHH May Hưng Nhân	476.382.582	659.025.566
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	58.530.836	44.828.000
Tập Đoàn Dệt may Việt Nam	142.865.467.724	121.169.969.967
Công ty CP Giặt là và Đầu tư Đức Giang	1.476.302.327	2.381.300.158
Cho vay		
Công ty TNHH May Hưng Nhân	-	7.000.000.000
Công ty CP Lạc Thủy	47.830.000.000	40.228.000.000
Công ty CP Thời trang phát triển cao	-	12.300.000.000
Thu hồi cho vay		
Công ty TNHH May Hưng Nhân	-	7.000.000.000
Công ty CP Thời trang phát triển cao	3.200.000.000	19.600.000.000
Công ty CP Lạc Thủy	39.830.000.000	50.368.000.000
Cổ tức nhận được		
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	4.246.926.605	-
Công ty TNHH May Hưng Nhân	1.591.200.000	-
Công ty CP Bình Mỹ	428.822.500	2.144.112.500
Lãi cho vay		
Công ty CP Thời trang phát triển cao	76.458.082	381.081.371
Công ty TNHH May Hưng Nhân	-	167.539.726
Công ty CP Lạc Thủy	1.191.018.248	1.198.312.856
Thu nhập từ phạt hợp đồng		
Công ty TNHH May Hưng Nhân	578.593.810	308.503.059
Công ty CP Thời trang phát triển cao	1.100.000	178.856.000
Công ty CP Sản xuất Thương mại và Đầu Tư Việt Thanh	57.558.058	-

b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần thời trang phát triển cao	113.308.248	59.349.892
Công ty Cổ phần Giặt là và Đầu tư Đức Giang	936.275.133	1.303.441.892
Công ty Cổ phần Lạc Thuỷ	3.697.750.998	3.837.773.958
Công ty TNHH May Hưng Nhân	1.473.396.767	2.473.396.767
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	27.353.000.817	27.692.517.307
Công ty CP Sản xuất thương mại Đầu tư Việt Thanh	173.028.087	223.028.087
Các khoản phải trả người bán		
Công ty CP Thời trang phát triển cao	2.645.372.266	-
Công ty CP Sản xuất thương mại và Đầu tư Việt Thanh	2.005.277.114	507.424.856
Công ty TNHH May và Thương mại Việt Thành	24.342.506.317	29.812.330.578
Công ty TNHH May Hưng Nhân	4.207.820.004	3.264.365.373
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	6.000.000	103.200.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản trả trước cho người bán		
Công ty CP Thời trang phát triển cao	-	2.195.213.975
Công ty CP Lạc Thủy	4.143.321.417	17.119.598.386
Phải thu về cho vay		
Công ty CP Lạc Thủy	22.550.000.000	14.550.000.000
Công ty CP Thời trang phát triển cao	-	3.200.000.000

c) *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	12.423.611.410	11.277.585.766
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	506.666.666	573.333.333
Cộng	**12.930.278.076**	**11.850.919.099**

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt năm 2025 cụ thể như sau:

Họ tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc		***9.455.078.610***	***8.562.427.989***
Ông Phạm Tiến Lâm	Tổng Giám đốc	1.734.082.895	1.643.507.368
Ông Phạm Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc	1.392.069.464	1.337.750.486
Ông Lê Huy Hoàng	Phó Tổng giám đốc	1.036.304.190	994.912.430
Ông Hoàng Ngọc Quân	Phó Tổng giám đốc	1.086.362.260	1.061.877.697
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng giám đốc	923.715.135	892.621.762
Ông Bùi Xuân Đạt	Phó Tổng giám đốc	868.820.573	837.286.961
Ông Phạm Tùng Linh	Phó Tổng giám đốc	898.862.191	824.289.078
Ông Lê Quang Chung	Phó Tổng giám đốc	933.630.001	797.082.207
Ông Nguyễn Ngọc Khanh	Giám đốc điều hành	218.780.000	173.100.000
Ông Phan Trọng Tiến	Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm từ ngày 01/8/2025)	362.451.901	-
Thu nhập của Kế toán trưởng và các thành viên quản lý khác		***2.968.532.800***	***2.715.157.777***
Ông Hoàng Vệ Dũng	Chủ tịch HĐQT	2.078.682.081	1.898.431.490
Ông Đinh Đức Hải	Kế toán trưởng	889.850.719	816.726.287
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị		***359.999.999***	***408.888.889***
Ông Hoàng Vệ Dũng	Chủ tịch HĐQT	93.333.333	106.666.666
Ông Nguyễn Đình Tú	Ủy viên HĐQT	66.666.667	75.555.556
Ông Phạm Tiến Lâm	Ủy viên HĐQT	66.666.667	75.555.555

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Ông Phạm Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/04/2025)	22.222.222	75.555.556
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/04/2025)	22.222.222	75.555.556
Ông Hoàng Ngọc Quân	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 21/04/2205)	44.444.444	-
Ông Phan Trọng Tiến	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 21/04/2205)	44.444.444	-
Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát		***146.666.667***	***164.444.444***
Bà Nguyễn Thị Vân Oanh	Trưởng Ban Kiểm soát	66.666.667	75.555.556
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên Ban kiểm soát (Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/4/2025)	13.333.333	44.444.444
Bà Đặng Thị Ngọc Hương	Thành viên	40.000.000	44.444.444
Ông Phạm Đức Long	Thành viên ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 21/4/2025)	26.666.667	-
Cộng		**12.930.278.076**	**11.850.919.099**

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và xuất khẩu. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai khu vực địa lý này.

Tổng Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về tài sản cố định và tài sản dài hạn khác cũng như các khoản nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Năm 2025 VND		
	Trong nước	**Xuất khẩu**	**Tổng cộng**
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	252.527.266.114	1.408.173.099.114	1.660.700.365.228
Giá vốn từ hoạt động kinh doanh	177.968.906.965	1.248.687.632.935	1.426.656.539.900
Lợi nhuận gộp	74.558.359.149	159.485.466.179	234.043.825.328
Tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu	**29,52%**	**11,33%**	**14,09%**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Năm 2024 VND		
	Trong nước	**Xuất khẩu**	**Tổng cộng**
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	322.120.442.221	1.211.873.641.579	1.533.994.083.800
Giá vốn từ hoạt động kinh doanh	256.433.303.488	1.067.993.347.732	1.324.426.651.220
Lợi nhuận gộp	65.687.138.733	143.880.293.847	209.567.432.580
Tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu	**20,39%**	**11,87%**	**13,66%**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

TỔNG CÔNG TY ĐỨC GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Minh Lý	Đinh Đức Hải	Phạm Tiến Lâm